

Số: 227/BC-UBND

Phong Thổ, ngày 26 tháng 4 năm 2024

## BÁO CÁO

Sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 03/9/2019 của Ban Bí thư và Quyết định số 46/QĐ-TTg ngày 25/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong tình hình mới trên địa bàn huyện Phong Thổ

Thực hiện Công văn số 1265/UBND-VX ngày 10/4/2024 của UBND tỉnh Lai Châu về việc báo cáo sơ kết tình hình thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW, Quyết định số 416/QĐ-TTg. UBND huyện Phong Thổ báo cáo kết quả việc xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong tình hình mới trên địa bàn huyện như sau:

### I. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA ĐỊA PHƯƠNG

#### 1. Khái quát đặc điểm kinh tế - xã hội.

Phong Thổ là huyện vùng cao biên giới của tỉnh Lai Châu, diện tích tự nhiên là 1029,31km<sup>2</sup>. Toàn huyện có 17 xã, thị trấn, với 170 thôn, bản, tổ dân phố; có 4 xã, thị trấn thuộc khu vực I; 01 xã khu vực II và 12 xã thuộc khu vực III. Huyện có 9 dân tộc anh em cùng sinh sống, trong đó 93% là người dân tộc thiểu số; tỷ lệ hộ nghèo chiếm 37,93%; huyện có địa hình nhiều đồi núi cao, có ưu thế về phát triển các nhà máy thủy điện nhỏ và vừa; có đường biên giới dài 97,229km với Trung Quốc, thuận lợi cho việc phát triển kinh tế - xã hội đặc biệt là lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản và du lịch xuyên biên giới.

#### 2. Quy mô và cơ cấu dân số, lao động.

Quy mô nguồn lao động: Năm 2019, tổng dân số là 80.305 người, số người trong độ tuổi lao động là 48.955 người, chiếm 60,9% dân số; trong đó lao động thành thị là 3.559 người, lao động nông thôn là 45.396 người; cơ cấu lao động trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 79,76%; cơ cấu lao động lĩnh vực công nghiệp, xây dựng, dịch vụ chiếm 20,24%. Đến năm 2024, tổng dân số là 85.327 người; số người trong độ tuổi lao động là 53.414 người, chiếm 62,7% dân số; lao động thành thị là 3.834 người, lao động nông thôn là 49.580 người; cơ cấu lao động trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 66%; cơ cấu lao động lĩnh vực công nghiệp, xây dựng, dịch vụ chiếm 34%. Trung bình mỗi năm tăng khoảng 1.115 người lao động. Cơ cấu lao động chuyển dịch theo xu hướng tích cực, phù hợp với sự chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế chung.

#### 3. Số lượng doanh nghiệp

Trên địa bàn huyện chủ yếu là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, đa phần là Công ty TNHH MTV và doanh nghiệp tư nhân, các doanh nghiệp sử dụng lao

động ít, chưa có khu công nghiệp.

Trên địa bàn hiện đang có 91 doanh nghiệp đang hoạt động, trong đó có 04 doanh nghiệp sử dụng từ 10 lao động trở lên, chiếm khoảng 4,3%; 87 doanh nghiệp sử dụng dưới 10 lao động, chiếm 95,7%; chưa có khu công nghiệp.

#### **4. Số lượng doanh nghiệp có tổ chức công đoàn cơ sở**

Công đoàn là tổ chức được tập thể người lao động lập ra nhằm đại diện bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng cho người lao động; đồng thời là cầu nối vận động, tuyên truyền người lao động nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp và chấp hành pháp luật. Trong số 91 doanh nghiệp đang hoạt động, huyện Phong Thổ đã có 5 tổ chức công đoàn cơ sở doanh nghiệp, trong đó có 01 tổ chức công đoàn doanh nghiệp gộp của 05 doanh nghiệp và 01 tổ chức công đoàn doanh nghiệp gộp của 03 doanh nghiệp, còn lại chủ yếu là các doanh nghiệp tư nhân và các công ty TNHH MTV.

#### **5. Tỷ lệ người lao động tham gia công đoàn cơ sở ở doanh nghiệp**

Tỷ lệ người lao động tham gia công đoàn cơ sở ở doanh nghiệp năm 2019 là 179/885 người, chiếm khoảng 20,2%; đến năm 2024 là 194/1.012 người, chiếm khoảng 19,2%.

## **II. TÌNH HÌNH 05 NĂM THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 37-CT/TW VÀ QUYẾT ĐỊNH SỐ 416/QĐ-TTg**

### **1. Công tác lãnh đạo chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ**

Sau khi tiếp thu Chỉ thị số 37-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Quyết định 416/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. UBND huyện đã tham mưu Ban Thường vụ Huyện ủy tổ chức triển khai quán triệt đến các đồng chí là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, các đồng chí là cán bộ chủ chốt cấp huyện và xã, thị trấn đồng thời giao các ngành liên quan tham mưu xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện.

Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục các chính sách, pháp luật của Nhà nước về lao động, việc làm, tiền lương, tiền công và các chế độ chính sách có liên quan đến người lao động, người sử dụng lao động trong các loại hình doanh nghiệp, tạo sự đồng thuận cao trong tổ chức triển khai thực hiện, đặc biệt là việc xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ. Nội dung tuyên truyền tập trung vào chăm lo phúc lợi cho các đoàn viên, điều kiện làm việc của người lao động, việc chấp hành pháp luật về lao động, công đoàn của người sử dụng lao động...

Chú trọng đổi mới mô hình, cách thức tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật cho các doanh nghiệp, thu hút đông đảo người lao động, người sử dụng lao động quan tâm, thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về quan hệ lao động. Chú trọng phát huy hiệu quả của các phương tiện truyền thông trong công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về lao động, định hướng cho các phương tiện truyền thông phản ánh những việc làm tích cực trong quan hệ lao động; lên án những hành vi tiêu cực, nhằm vận động, tập hợp người lao động,

người sử dụng lao động thực hiện tốt trong quan hệ lao động; kịp thời ngăn chặn, phản bác, xử lý các thông tin sai lệch, gây ảnh hưởng xấu đến quan hệ lao động và làm mất an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Các hoạt động được triển khai thực hiện tập trung mạnh vào tháng an toàn, vệ sinh lao động, tháng công nhân và được triển khai thường xuyên, lồng ghép với các chương trình tuyên truyền tư vấn, giải quyết việc làm, đào tạo nghề, chương trình tư vấn cho người lao động đi làm ăn xa an toàn...

## **2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về quan hệ lao động**

Tập trung nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, cốt lõi của tổ chức công đoàn, nâng cao nhận thức, tập trung nguồn lực, tạo bước đột phá trong thực hiện nhiệm vụ này.

Trong việc thực hiện nhiệm vụ đại diện, bảo vệ người lao động, được ưu tiên đầu tư cho công tác tham gia xây dựng chính sách, pháp luật; kiểm tra và giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật đối với người lao động; công tác đối thoại và thương lượng tập thể.

Thực hiện có hiệu quả công tác đối thoại, thương lượng tập thể của các cấp công đoàn, nhất là cấp doanh nghiệp. Nâng cao số lượng, chất lượng đối thoại và thỏa ước lao động tập thể tại doanh nghiệp, quan tâm đối thoại và thương lượng về tiền lương, tiền thưởng và các điều kiện lao động của người lao động. Đẩy mạnh đối thoại, thương lượng, ký kết thỏa ước lao động tập thể với đại diện người sử dụng lao động ở các cấp phù hợp, có đối tác, đủ điều kiện.

Tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động công đoàn trên cả ba phương diện: phương thức chỉ đạo, phương thức tập hợp và tổ chức hoạt động.

Hoạt động công đoàn phải gắn với hoạt động sản xuất, kinh doanh của đơn vị, nâng cao đời sống người lao động; nội dung hoạt động phải đa dạng, phong phú, kết hợp hài hòa giữa hoạt động chăm lo với bảo vệ, quan tâm cả lợi ích vật chất và lợi ích tinh thần. Chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin, mạng xã hội trong tập hợp người lao động và tổ chức hoạt động công đoàn.

## **3. Nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức công đoàn trong quan hệ lao động**

Thực hiện nhiệm vụ tiếp tục đổi mới hoạt động công đoàn đáp ứng yêu cầu của tình hình mới, Liên đoàn lao động huyện đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 12/6/2021 của Bộ Chính trị về “*Đổi mới tổ chức và hoạt động của Công đoàn Việt Nam trong tình hình mới*” đến các cấp công đoàn trên địa bàn huyện. Công đoàn tiến hành xây dựng các kế hoạch về công tác phát triển đoàn viên, kiện toàn nâng chất hoạt động của tổ chức công đoàn, phân công Ủy viên Thường vụ thường xuyên đôn đốc, hỗ trợ, các công đoàn cơ sở; rà soát tình hình cán bộ công chức và công nhân lao động trong các doanh nghiệp, Trên cơ sở đó, để xây dựng chương trình phát triển đoàn viên trong thời gian tới. Công tác tuyên truyền công được Công đoàn chú trọng và thường xuyên đổi mới hình thức đa

dạng, phong phú. Công tác tư vấn cho người lao động và người sử dụng lao động các quy định của pháp luật công đoàn, về tổ chức và hoạt động công đoàn; tổng kết thực hiện chương trình các ngày lễ lớn, kỷ niệm năm, ngày thành lập Công đoàn Việt Nam. Chú trọng công tác bồi dưỡng, nâng cao năng lực, trình độ lý luận, bản lĩnh chính trị, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ công đoàn, nhất là công đoàn viên. Công đoàn cấp huyện làm tốt vai trò trong việc tham gia vào các hoạt động đối thoại, thương lượng, ký kết thỏa ước lao động tập thể, giải quyết tranh chấp lao động tại cơ sở. Thường xuyên quan tâm chăm lo cải thiện đời sống vật chất tinh thần cho người lao động, các hoạt động tuyên truyền chủ trương chính sách cho người lao động và người sử dụng lao động được thường xuyên thực hiện, các chương trình “Mái ấm công đoàn”...

#### **4. Thúc đẩy các hoạt động đối thoại, thương lượng tập thể, giải quyết tranh chấp lao động và đình công**

Nhìn chung, trong những năm qua tình hình chấp hành pháp luật, thực hiện đối thoại tại nơi làm việc trong các doanh nghiệp trên địa bàn huyện thực hiện tốt; Từ năm 2019-2024, không xảy ra các cuộc tranh chấp lao động cá nhân, tập thể về quyền, lợi ích và tình trạng đình công.

*(Có tổng hợp số liệu về tình hình thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW và Quyết định số 416/QĐ-TTg kèm theo)*

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Ưu điểm**

Việc triển khai Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 03/9/2019 của Ban Bí thư và Quyết định số 46/QĐ-TTg ngày 25/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong tình hình mới trên địa bàn huyện được Huyện ủy, HĐND, UBND huyện thường xuyên quan tâm trong công tác lãnh, chỉ đạo, tổ chức thực hiện tạo môi trường thuận lợi trong thu hút, kêu gọi đầu tư trên các lĩnh vực, từ đó góp phần phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện. Qua đó, các ngành, đoàn thể huyện đã nhận thức đúng hơn về tầm quan trọng trong triển khai thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng, xem đây là nhiệm vụ chủ yếu và thường xuyên trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, tạo được niềm tin và là cầu nối giữa người sử dụng lao động và người lao động đồng hành cùng phát triển.

Sự nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của chủ doanh nghiệp ngày được nâng lên. Vai trò của công đoàn từng bước đã nâng cao vị thế của mình trong việc thực hiện chức năng tuyên truyền, vận động, phát triển đoàn viên. Thực hiện chủ trương mời gọi đầu tư trong những năm qua, đã phát triển nhanh theo hàng năm.

#### **2. Tồn tại hạn chế**

Việc thực hiện Quy chế dân chủ trong một số doanh nghiệp chưa đảm bảo yêu cầu; nhất là trong việc tổ chức thương lượng ký kết thỏa ước lao động tập thể tại những nơi chưa có tổ chức công đoàn còn hạn chế, có nơi chưa lấy ý kiến của người lao động đầy đủ.

Vai trò của Ban Chấp hành công đoàn chưa thật sự phát huy, còn lúng túng trong hoạt động, người sử dụng lao động chưa quan tâm tạo điều kiện về thời gian, kinh phí cho Công đoàn hoạt động. Người lao động đa số là lao động phổ thông, chưa qua đào tạo, ý thức, tác phong lao động công nghiệp còn hạn chế.

### **III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI**

1. Tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW đến các cấp công đoàn và tuyên truyền sâu rộng trong công nhân lao động tại các doanh nghiệp.

2. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho người sử dụng lao động và người lao động; tăng cường kiểm tra việc chấp hành pháp luật lao động.

3. Chỉ đạo các ngành có liên quan tăng cường phối hợp trong công tác tuyên truyền, vận động, bồi dưỡng phát triển đảng viên trong doanh nghiệp ở những nơi có điều kiện; làm tốt công tác tư vấn pháp luật, quan tâm bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề cho công nhân lao động.

4. Tăng cường các hoạt động xã hội từ thiện để giúp công nhân lao động có hoàn cảnh khó khăn ổn định cuộc sống, an tâm lao động, sản xuất; kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của người lao động để giải quyết hoặc đề xuất người sử dụng lao động giải quyết kịp thời.

5. Tăng cường hiệu quả hoạt động của đội ngũ hòa giải viên lao động huyện.

Trên đây là Báo cáo Sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 03/9/2019 của Ban Bí thư và Quyết định số 46/QĐ-TTg ngày 25/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong tình hình mới của UBND huyện Phong Thổ./.

***Nơi nhận:***

- Sở Lao động - TB&XH;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Các ban, ngành, đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, LĐTBXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Mai Thị Hồng Sim**

**TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 37-  
CT/TW VÀ QUYẾT ĐỊNH SỐ 416/QĐ-TTG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN  
PHONG THỔ**

*(Kèm theo Báo cáo số 227/BC-UBND 26/4/2024 của UBND huyện Phong Thổ)*

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm					
			2019	2020	2021	2022	2023	2024
<b>I</b>	<b>Doanh nghiệp, hợp tác xã đang hoạt động</b>		<b>21</b>	<b>38</b>	<b>42</b>	<b>59</b>	<b>67</b>	<b>67</b>
<b>1</b>	<b>Số doanh nghiệp</b>		<b>82</b>	<b>88</b>	<b>91</b>	<b>86</b>	<b>91</b>	<b>91</b>
1.1	Số doanh nghiệp nhà nước (DNNN)		1	1	0	0	0	0
	- Trong đó: Số DNNN trong KCN							
1.2	Số doanh nghiệp dân doanh	DN	75	81	87	76	91	91
	- Trong đó: Số DN dân doanh trong KCN							
1.3	Số doanh nghiệp FDI							
	- Trong đó: Số DN FDI trong KCN							
1.4	Tỷ lệ doanh nghiệp dưới 10 lao động	%	96	96	96	96	95,7	95,7
1.5	Tỷ lệ doanh nghiệp từ 10 đến dưới 50 lao động	%	4	4	4	4	4,3	4,3
<b>2</b>	<b>Số hợp tác xã (HTX)</b>	HTX	<b>60</b>	<b>45</b>	<b>31</b>	<b>42</b>	<b>43</b>	<b>43</b>
<b>3</b>	<b>Số KCN, KKT, KCX đang hoạt động</b>	KCN						
<b>II</b>	<b>Lao động trong các DN, HTX đang hoạt động</b>		<b>885</b>	<b>712</b>	<b>872</b>	<b>994</b>	<b>1.012</b>	<b>1.012</b>
<b>1</b>	<b>Số lao động trong doanh nghiệp</b>		<b>285</b>	<b>352</b>	<b>457</b>	<b>432</b>	<b>455</b>	<b>455</b>
1.1	Số lao động (LĐ) trong DNNN	Lao động						
	- Trong đó: Số LĐ trong DNNN trong KCN							
1.2	Số lao động trong DN dân		285	352	457	432	455	455

	doanh							
	- Trong đó: số LĐ trong DN dân doanh trong KCN							
1.3	Số lao động trong Dn FDI							
	- Trong đó: số LĐ trong DN FDI trong KCN							
<b>2</b>	<b>Số lao động trong các hợp tác xã</b>		<b>600</b>	<b>360</b>	<b>415</b>	<b>562</b>	<b>577</b>	<b>577</b>
<b>III</b>	<b>Tổ chức công đoàn cơ sở (CĐCS) trong DN, HTX</b>		4	4	5	5	5	5
1	Số tổ chức CĐCS trong DNNN	Tổ chức	1	1	0	0	0	0
2	Số tổ chức CĐCS trong DN dân doanh		3	3	5	5	5	5
3	Số tổ chức CĐCS trong DN FDI							
4	Số đoàn viên CĐ trong các loại hình DN		Người	179	179	194	194	194
5	Số tổ chức CĐCS trong HTX	Tổ chức						
6	Số đoàn viên CĐ trong các HTX	Người						
<b>IV</b>	<b>Tình hình thực hiện một số quy định của pháp luật lao động</b>							
<b>1</b>	<b>Số DN đăng ký nội quy lao động</b>	DN	<b>18</b>	<b>25</b>	<b>22</b>	<b>25</b>	<b>30</b>	<b>30</b>
<b>2</b>	<b>Số DN có thang lương, bảng lương</b>	DN	<b>18</b>	<b>25</b>	<b>22</b>	<b>25</b>	<b>30</b>	<b>30</b>
<b>3</b>	<b>Tiền lương bình quân của người lao động (NLĐ) trong DN, HTX</b>		<b>4,5</b>	<b>4,8</b>	<b>5,5</b>	<b>6,2</b>	<b>7</b>	<b>7,5</b>
3.1	Tiền lương bình quân của NLĐ trong DN	Triệu đồng/n người/tháng	4,5	4,8	5,5	6,2	7	7,5
	Trong đó: - Ở DNNN							
	- Ở DN dân doanh		4,5	4,8	5,5	6,2	7	7,5
- Ở DN FDI								
3.2	Tiền lương bình quân của NLĐ trong HTX		3,7	3,8	3,8	4	4,2	4,6
<b>4</b>	<b>Đối thoại, thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở trong DN</b>		<b>18</b>	<b>25</b>	<b>22</b>	<b>25</b>	<b>30</b>	<b>30</b>
4.1	Số DN có Quy chế dân chủ cơ sở	DN	18	25	22	25	30	30
4.2	Số DN tổ chức đối thoại tại nơi làm việc		18	25	22	25	30	30
	Trong đó: - Số DN tổ chức đối thoại định kỳ		5	7	5	7	25	25

	- Số DN tổ chức đối thoại khi có yêu cầu của một hoặc các bên		18	25	22	25	30	30
	- Số DN tổ chức đối thoại vụ việc							
<b>5</b>	<b>Số thỏa ước lao động tập thể (TULĐTT)</b>							
5.1	Số TULĐTT doanh nghiệp	Bản						
5.2	Số TULĐTT ngành	Bản						
5.3	Số TULĐTT nhiều doanh nghiệp	Bản						
<b>6</b>	<b>Tranh chấp lao động (TCLĐ), đình công</b>							
6.1	Số cuộc TCLĐ cá nhân	Cuộc						
6.2	Số cuộc TCLĐ tập thể về lợi ích	Cuộc						
6.3	Số cuộc TCLĐ tập thể về quyền	Cuộc						
6.4	Số cuộc đình công	Cuộc						
<b>7</b>	<b>Tỷ lệ công nhân KCN được bố trí ở theo các dự án nhà ở công nhân KCN so với nhu cầu nhà ở của công nhân KCN trên địa bàn</b>	%						
<b>V</b>	<b>Số công chức hiện được bố trí làm công tác quan hệ lao động (QHLĐ), tiền lương ở địa phương</b>	Người	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>
	Số công chức của SLĐTBXH							
1	Trong đó: số công chức chuyên trách về quan hệ lao động	Người						
2	Số công chức của BQLKCN	Người						
3	Số công chức các phòng LĐTBXH cấp huyện	Người	1	1	1	1	1	1
4	CQ khác	Người	1	1	1	1	1	1
<b>VI</b>	<b>Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động</b>							
1	Số lượt NLD được tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động	Người	6.750	6.550	6.800	7.500	8.500	3.500
2	Số lượt người sử dụng lao động được tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động	Người	32	32	33	35	30	30
3	Kinh phí thực hiện	Triệu đồng						

<b>VII</b>	<b>Công tác thanh tra, kiểm tra pháp luật lao động</b>							
1	Số công chức làm công tác thanh tra pháp luật lao động	Người						
	<i>Trong đó; Số thanh tra viên lao động</i>							
2	Số DN được thanh tra	DN						
3	Số DN được kiểm tra	DN	12	15	11	12	14	
4	Số DN tự kiểm tra (qua phiếu tự kiểm tra)	DN						
5	Số DN bị xử lý vi phạm pháp luật lao động	DN						
6	Tổng số kiến nghị xử lý	Kiến nghị						
7	Tổng số quyết định xử phạt	Quyết định						
8	Tổng số tiền xử phạt	Triệu đồng						
<b>VIII</b>	<b>Kiện toàn hòa giải viên lao động (HGVLD), Hội đồng trọng tài lao động (HĐTTLD)</b>							
1	Hòa giải viên lao động	Người	2	2	2	2	2	2
1.1	Số HGVLD được bổ nhiệm đang hoạt động	Người	2	2	2	2	2	2
1.2	Số cuộc TCLĐ được HGVLD hòa giải thành	Cuộc						
	<i>Trong đó: - Số cuộc TCLĐ cá nhân hòa giải thành</i>							
	<i>- Số cuộc TCLĐ tập thể về lợi ích hòa giải thành</i>							
	<i>- Số cuộc TCLĐ tập thể về quyền hòa giải thành</i>							
2	Hội đồng trọng tài lao động							
2.1	Thành lập HĐTTLD (đánh dấu X vào năm thành lập, nêu rõ Quyết định thành lập HĐTTLD).							
2.2	Số cuộc TCLĐ do HĐTTLD giải quyết							
	<i>Trong đó: Số cuộc TCLĐ cá nhân được TTLĐ ra quyết định giải quyết</i>							
	<i>- Số cuộc TCLĐ tập thể về lợi ích được TTLĐ ra quyết định giải quyết</i>							
	<i>- Số cuộc TCLĐ tập thể về</i>							

<i>quyền được TTLĐ ra quyết định giải quyết</i>								
---	--	--	--	--	--	--	--	--

**Ghi chú:**

- Số liệu năm 2019 đến 2023 tính đến hết ngày 31/12.
- Số liệu năm 2024 tính đến hết ngày 31/3.